

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2023.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoan;

2. Ông Lê Thanh Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:** bà Trịnh Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại phòng xét xử dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi thường trú: **tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.**

Nơi cư trú: **thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.**

2. Bị đơn: anh **Vũ Thế Q**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi thường trú: **tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị **Phạm Thị H** và anh **Vũ Thế Q** được tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, được đăng ký tại **ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** vào năm 2012. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm trong xây dựng kinh tế gia đình, anh **Q** thể hiện là người vô trách nhiệm, anh **Q** không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau, hai bên tính cách không hợp, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau.

Từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng ly thân chị đã cho 2 con về nhà mẹ đẻ của mình ở xã Y, huyện Y để ở, hai bên không còn quan tâm đến đời sống của nhau, cuộc sống của ai tự người ấy lo, nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh Q.

Về con chung: chị và anh Q có hai con chung, cháu Vũ Thị Kiều O, sinh ngày 29/5/2013 và cháu Vũ Minh H1, sinh ngày 20/12/2018 hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị H tại xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, chị xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị không có thai.

Về chia tài sản chung và công nợ: chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án anh Q không có ý kiến gì đối với việc chị H làm đơn xin ly hôn anh. Tòa án đã tổng đạt theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc anh Q đi đâu chính quyền địa phương cũng không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H xử cho chị Phạm Thị H được Ly hôn với anh Vũ Thế Q;

2. Về con chung: giao cho chị Phạm Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Vũ Thị Kiều O, sinh ngày 29/5/2013 và cháu Vũ Minh H1, sinh ngày 20/12/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị H chưa yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002731 ngày 17/4/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công

khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị **H**, anh **Q** có đăng ký tạm trú tại **tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình** nên thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp giải quyết, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh **Q**. Toà án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: chị **Phạm Thị H** và anh **Vũ Thế Q** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** vào năm 2012. Là cuộc hôn nhân hợp pháp tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị **H** xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh **Q** đã trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị **H** làm đơn xin ly hôn anh **Q**. Yêu cầu về việc giải quyết ly hôn là chính đáng cần được pháp luật bảo vệ, được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nội dung vụ án, chị **Phạm Thị H** và anh **Vũ Thế Q** kết hôn với nhau vào năm 2012, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống hai vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên không hiểu và thông cảm cho nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên có những lời nói, cũng như hành động xúc phạm nhau, năm 2020 chị **H** và con về sống cùng với bố mẹ đẻ của mình ở **xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình** hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Chị **H** xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, anh **Q** thể hiện là người vô tâm, không quan tâm tới kinh tế gia đình, không tu trí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2020 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến đời sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh **Q**.

Anh **Q** sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, anh **Q** không thể hiện quan điểm của mình về việc chị **H** xin ly hôn. Toà án đã ra thông báo cũng như triệu tập anh **Q** lên Toà án làm việc, anh **Q** không có mặt theo giấy báo của Toà án, anh **Q** đi khỏi địa phương, hiện anh **Q** đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không nắm được.

Toà án có văn bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **H** và anh **Q** tại phòng Văn Hoá; **phòng L**. Tại văn bản trả lời của phòng văn hoá; phòng Lao động thương binh xã hội: nêu mâu thuẫn vợ chồng anh **Q** chị **H** thường xuyên xảy ra, cãi vã, bất đồng về quan điểm sống không thể hoà giải được. Về con chung anh **Q** chị **H** có 02 con cháu **Vũ Thị Kiều O**, sinh ngày 29/5/2013 và cháu **Vũ Minh H1**, sinh ngày 20/12/2018 hiện nay các cháu đang ở với chị **H** tại **xã Y huyện Y**. Quan

điểm của phòng **Văn H2**; phòng **L**, đề nghị toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **Q** chị **H** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị **H** được ly hôn với anh **Q** căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân chị **H** anh **Q** có 2 con chung cháu **Vũ Thị Kiều O**, sinh ngày 29/5/2013 và cháu **Vũ Minh H1**, sinh ngày 20/12/2018 hiện nay các cháu đang ở với chị **H** tại **xã Y huyện Y**. Chị **H** đề nghị Toà án cho chị được nuôi 2 con, không yêu cầu anh **Q** phải cấp dưỡng nuôi con. Tại văn bản lấy ý kiến của cháu **Vũ Thị Kiều O**, cháu **O** có ý kiến xin được ở với mẹ, với lý do từ nhỏ cho tới nay mẹ là người chăm sóc cháu và hiện nay cháu đã chuyển trường từ **thành phố T** về học tại **xã Y, huyện Y**. Xét thấy hiện nay hai cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc giáo dục của mẹ, hiện các cháu đang ở nhà cùng mẹ và bà ngoại tại **xã Y**, anh **Q** đi đâu không rõ. Vì vậy việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi, cần xem xét đến điều kiện để cho cháu có được điều kiện tốt nhất cả về vật chất lẫn tinh thần, cũng như việc học tập của cháu. Khi giải quyết ly hôn cần giao cho chị **H** là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Vũ Thị Kiều O** và cháu **Vũ Minh H1**.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị **H** tạm thời chưa yêu cầu anh **Q** phải cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị **Phạm Thị H** không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị **Phạm Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: cho chị **Phạm Thị H** ly hôn với anh **Vũ Thế Q**.

2. Về con chung: giao cho chị **Phạm Thị H** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Vũ Thị Kiều O**, sinh ngày 29/5/2013 và cháu **Vũ Minh H1**, sinh ngày 20/12/2018 cho đến khi cháu **O** và cháu **H1** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: tạm thời chị **H** chưa yêu cầu anh **Q** phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: chị **Phạm Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **H** đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002731 ngày 17/4/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Chị **H** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh **Q** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS thành phố Tam Điệp;
- UBND xã Yên Lâm, huyện Yên Mô;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Ngọc Hà